

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 41/2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2021

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng và kế toán, quyết toán, công khai tài chính Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về thành lập Quỹ vắc-xin phòng Covid-19;

Thực hiện Quyết định số 779/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ vắc-xin phòng Covid-19;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước và Cục trưởng Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng và kế toán, quyết toán, công khai tài chính Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng và kế toán, quyết toán, công khai tài chính Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 779/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 779/QĐ-TTg).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ).
2. Bộ Tài chính, Bộ Y tế.
3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động Quỹ

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, sử dụng vốn đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.
2. Quỹ sử dụng con dấu, kinh phí và bộ máy của Kho bạc Nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài chính Quỹ

1. Quỹ thực hiện thu, chi, kế toán, quyết toán, báo cáo và công khai tài chính của Quỹ theo hướng dẫn tại Thông tư này.
2. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của Quỹ của các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật; giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cộng đồng.
3. Quỹ được sử dụng vốn nhàn rỗi của Quỹ để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ, nhưng phải đảm bảo an toàn.
4. Sau khi Quỹ chấm dứt hoạt động và giải thể, số dư của Quỹ (nếu có) được nộp toàn bộ vào ngân sách trung ương để bổ sung nguồn lực mua vắc-xin cho Chương trình tiêm chủng mở rộng của Nhà nước.

Điều 5. Xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ

Các tổ chức, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ theo quy định tại Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUỸ

Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ

Nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 779/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Quyền hạn của Quỹ

1. Được vận động và tiếp nhận các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền, vắc-xin và các loại hình vật chất khác (không bao gồm vật tư, sinh phẩm, trang thiết bị y tế hỗ trợ cho phòng chống dịch) cho Quỹ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Được sử dụng các nguồn tài chính của Quỹ để tài trợ, hỗ trợ cho hoạt động mua, nhập khẩu vắc-xin, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin phòng Covid-19 cho người dân theo nội dung phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và đề nghị của Bộ Y tế.

3. Được mở tài khoản giao dịch tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại để tiếp nhận các khoản đóng góp, tài trợ, hỗ trợ bằng tiền của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Cuối ngày, toàn bộ số dư trên tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại trước thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán (thời điểm COT) của các kênh thanh toán giữa hệ thống ngân hàng và Kho bạc Nhà nước được kết chuyển về tài khoản của Quỹ mở tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước; đối với các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp phát sinh trên tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại sau thời điểm kết chuyển được chuyển về tài khoản của Quỹ mở tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước chậm nhất vào ngày làm việc kế tiếp.

4. Được sử dụng vốn nhận rồi bằng Đồng Việt Nam của Quỹ để gửi có kỳ hạn tối đa không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại theo quy định tại Điều 18 Thông tư này nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ, nhưng phải đảm bảo an toàn.

5. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức bộ máy của Quỹ

Quỹ hoạt động theo Quyết định số 779/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, dưới sự chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính thông qua Ban Quản lý Quỹ.

Điều 9. Ban Quản lý Quỹ

1. Ban Quản lý Quỹ (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý) do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thành lập, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và một số thành viên là công chức của Kho bạc Nhà nước, được Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm.

2. Ban Quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, tự chấm dứt hoạt động và giải thể sau khi cơ quan có thẩm quyền công bố hoàn thành việc tiêm vắc-xin phòng dịch Covid-19 cho người dân.

3. Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về toàn bộ kết quả hoạt động của Quỹ.

Điều 10. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý

1. Thực hiện quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo quy định; xây dựng phương án và thực hiện gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại đối với nguồn vốn nhận rỗi bằng Đồng Việt Nam của Quỹ nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ, nhưng phải đảm bảo an toàn.

2. Thực hiện chế độ kế toán, quyết toán, báo cáo và công khai tài chính quỹ theo quy định của Luật Kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư này.

Điều 11. Giám đốc Ban Quản lý

1. Giám đốc Ban Quản lý là chủ tài khoản của Quỹ.

2. Giám đốc Ban Quản lý có nhiệm vụ tổ chức, điều hành hoạt động của Ban Quản lý; phân công nhiệm vụ cho các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các Thành viên Ban Quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; ký các báo cáo, quyết toán, công khai tài chính Quỹ và văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý.

3. Giám đốc Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính, trước pháp luật về các công việc được giao.

Điều 12. Phó Giám đốc Ban Quản lý

1. Phó Giám đốc Ban Quản lý là người giúp việc cho Giám đốc Ban Quản lý, thực hiện các nhiệm vụ theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Ban quản lý.

2. Phó Giám đốc Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính, trước Giám đốc Ban Quản lý, trước pháp luật về các công việc được giao.

Điều 13. Kế toán trưởng Ban Quản lý

1. Kế toán trưởng Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc Ban quản lý, chịu trách nhiệm về công tác kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán Quỹ theo của pháp luật và quy định tại Thông tư này.

2. Kế toán trưởng Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính, trước Giám đốc Ban Quản lý và trước pháp luật về các công việc được giao.

Điều 14. Thành viên Ban quản lý

1. Thành viên Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc Ban quản lý.

2. Thành viên Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính, trước Giám đốc Ban Quản lý và trước pháp luật về các công việc được giao.

Mục 2

TÀI CHÍNH QUỸ

Điều 15. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ gồm:

a) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho Quỹ, gồm: tiền (tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ), vắc-xin và các loại hình vật chất khác;

b) Lãi tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại;

c) Các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Trách nhiệm tiếp nhận:

a) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho Quỹ bằng tiền được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại;

b) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho Quỹ bằng vắc-xin, Bộ Y tế thực hiện tiếp nhận để quản lý, phân phối và sử dụng theo quy định.

Bộ Y tế có trách nhiệm xác định giá trị quy tiền Đồng Việt Nam của vắc-xin được tài trợ cho Quỹ và định kỳ 10 ngày lập báo cáo gửi Quỹ theo Mẫu số 03-BC/QVX tại Phụ lục kèm theo Thông tư này, để hạch toán phản ánh vào thu, chi của Quỹ.

Việc xác định giá trị quy tiền của vắc-xin căn cứ các hóa đơn, chứng từ do nhà tài trợ cung cấp; trường hợp không có hóa đơn, chứng từ của nhà tài trợ thì xác định theo giá tạm tính để phản ánh kịp thời vào thu của Quỹ, Bộ Y tế có trách nhiệm xác định giá chính thức theo quy định của pháp luật và báo cáo Quỹ để điều chỉnh hạch toán (nếu có chênh lệch);

c) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho Quỹ bằng các loại hình vật chất khác (không bao gồm vật tư, sinh phẩm, trang thiết bị y tế hỗ trợ cho phòng chống dịch), Quỹ thực hiện tiếp nhận để quản lý, theo dõi và hạch toán phản ánh vào thu của Quỹ khi xuất bán theo quy định.

3. Xác nhận khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ:

Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu xác nhận về khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ, Ban Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận đối với các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền, các hình thức vật chất khác; Bộ Y tế có trách nhiệm xác nhận đối với các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng vắc-xin.

Biên bản xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.

Điều 16. Nội dung chi của Quỹ

Quỹ sử dụng để hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động mua, nhập khẩu vắc-xin, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin phòng Covid-19.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định chi của Quỹ

1. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí để mua, nhập khẩu vắc-xin, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin phòng Covid-19, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chi từ Quỹ để tài trợ, hỗ trợ cho hoạt động mua, nhập khẩu vắc-xin, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin phòng Covid-19 theo quy định.

2. Căn cứ các nội dung chi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Y tế lập hồ sơ đề nghị xuất Quỹ để chi theo quy định.

Hồ sơ đề nghị xuất Quỹ bao gồm: văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nội dung chi từ Quỹ; văn bản đề nghị của Bộ Y tế về việc chi từ Quỹ (trong đó nêu rõ: nội dung chi; số tiền; tên đơn vị nhận tiền, địa chỉ, số tài khoản, tên ngân hàng).

3. Bộ Y tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, sử dụng số tiền được cấp từ Quỹ để mua, nhập khẩu vắc-xin, tài trợ, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước; quản lý, sử dụng vắc-xin đã mua, nhập khẩu và vắc-xin đã tiếp nhận từ các nhà tài trợ theo đúng quy định.

Điều 18. Gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ

1. Định kỳ trước ngày 25 tháng cuối quý, căn cứ báo cáo của Bộ Y tế về kế hoạch chi của quý kế tiếp, Ban Quản lý xây dựng phương án gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại để triển khai thực hiện. Trường hợp Bộ Y tế chưa báo cáo về kế hoạch chi, Quỹ tạm dừng việc gửi mới tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo an toàn thanh khoản.

2. Nguyên tắc gửi tiền có kỳ hạn của Quỹ:

a) Quỹ gửi tiền tại các ngân hàng thương mại mà Kho bạc Nhà nước lựa chọn để gửi có kỳ hạn các khoản ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi;

b) Kỳ hạn gửi tiền bao gồm 01 tháng, 02 tháng và 03 tháng. Căn cứ kế hoạch chi từ Quỹ của Bộ Y tế, khả năng nguồn vốn nhàn rỗi của Quỹ và tình hình thị trường, Ban Quản lý chủ động điều chỉnh khối lượng gửi theo các kỳ hạn cho phù hợp;

c) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ tại ngân hàng thương mại được duy trì đến khi đáo hạn, trừ trường hợp cần thiết phải thu hồi trước hạn để thực hiện nhiệm vụ chi của Quỹ theo quy định.

3. Căn cứ danh sách các ngân hàng thương mại đủ điều kiện tham gia nhận tiền gửi có kỳ hạn, Quỹ thực hiện ký kết hợp đồng khung về việc gửi tiền có kỳ hạn của Quỹ với các ngân hàng thương mại. Trong hợp đồng khung phải nêu rõ phương thức chuyển tiền, thanh toán gốc, lãi và thỏa thuận rút trước hạn.

4. Quy trình gửi tiền có kỳ hạn của Quỹ:

a) Tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày mở bản chào nhận tiền gửi, Quỹ gửi thông báo (bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử) về việc gửi tiền có kỳ hạn đến từng ngân hàng thương mại đủ điều kiện nhận tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ.

Nội dung thông báo gồm: dự kiến khối lượng tiền gửi có kỳ hạn, kỳ hạn gửi tiền, thời hạn nhận bản chào nhận tiền gửi, phương thức gửi/nhận bản chào nhận tiền gửi;

b) Chậm nhất 14 giờ 00 ngày đến hạn nhận bản chào nhận tiền gửi, các ngân hàng thương mại gửi bản chào nhận tiền gửi đến Quỹ (bằng văn bản trong phong bì có dấu niêm phong hoặc bằng văn bản điện tử đã được mã hóa), trong đó nêu rõ số tiền, lãi suất tương ứng từng kỳ hạn nhận gửi. Mỗi ngân hàng thương mại chỉ chào một mức lãi suất cho một kỳ hạn nhận gửi.

Thời gian nhận văn bản giấy được xác định căn cứ theo thời gian ghi trên sổ giao nhận công văn có chữ ký của bên giao, bên nhận; thời gian nhận văn bản điện tử được xác định căn cứ theo thời gian hệ thống công nghệ thông tin được Quỹ sử dụng ghi lại việc đã nhận được văn bản;

c) Chậm nhất mười lăm (15) phút sau thời hạn nhận bản chào nhận tiền gửi, Quỹ mở các bản chào. Căn cứ thông tin bản chào của từng ngân hàng thương mại, Quỹ xác định khối lượng tiền gửi, lãi suất gửi tương ứng từng kỳ hạn đối với từng ngân hàng thương mại;

d) Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày mở bản chào nhận tiền gửi, Quỹ thông báo kết quả đến từng ngân hàng thương mại; đồng thời, gửi kèm dự thảo phụ lục hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn đối với các ngân hàng thương mại được lựa chọn gửi tiền. Phụ lục hợp đồng gồm các điều khoản: số tiền gửi có kỳ hạn, kỳ hạn gửi tiền, lãi suất tiền gửi, ngày gửi tiền, ngày đáo hạn, điều khoản khác phát sinh (nếu có).

Ngân hàng thương mại được lựa chọn gửi tiền thống nhất với Quỹ về điều khoản của phụ lục hợp đồng (trừ điều khoản về số tiền gửi, kỳ hạn, lãi suất tiền gửi), trong đó, ngày gửi tiền không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ thông báo kết quả lựa chọn ngân hàng thương mại gửi tiền.

Trên cơ sở nội dung phụ lục hợp đồng đã thống nhất, Quỹ và ngân hàng thương mại được lựa chọn ký kết phụ lục hợp đồng về việc gửi tiền có kỳ hạn của Quỹ và triển khai thực hiện theo phụ lục hợp đồng;

5. Phương pháp xác định lãi suất và khối lượng gửi tiền có kỳ hạn của Quỹ:

a) Lãi suất gửi áp dụng cho mỗi ngân hàng thương mại là mức lãi suất chào của ngân hàng thương mại đó, được xét chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp của lãi suất chào thỏa mãn điều kiện: không thấp hơn lãi suất gửi tiền có

kỳ hạn ngân quỹ nhà nước tối thiểu được Bộ Tài chính quy định; khối lượng tiền gửi tính lũy kế đến các mức lãi suất được lựa chọn không vượt quá khối lượng tiền gửi Quỹ thông báo;

b) Khối lượng tiền gửi tại mỗi ngân hàng thương mại tương đương với khối lượng nhận tiền gửi đăng ký tại mức lãi suất được Quỹ lựa chọn.

Trường hợp tại mức lãi suất được lựa chọn thấp nhất, khối lượng nhận tiền gửi đăng ký tính lũy kế đến mức lãi suất được lựa chọn thấp nhất vượt quá khối lượng tiền gửi Quỹ thông báo thì sau khi đã trừ đi khối lượng tiền gửi đăng ký ở các mức lãi suất cao hơn, phần dư còn lại của khối lượng tiền gửi Quỹ thông báo được phân bổ cho các ngân hàng thương mại chào tại mức lãi suất được lựa chọn thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng tiền gửi đăng ký tại mức lãi suất được lựa chọn thấp nhất; khối lượng tiền gửi phân bổ cho các ngân hàng thương mại được làm tròn xuống đơn vị tỷ đồng.

Mục 3

KẾ TOÁN, QUYẾT TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI TÀI CHÍNH TÀI CHÍNH QUỸ

Điều 19. Chứng từ kế toán

Quỹ sử dụng giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê của Ngân hàng, Kho bạc và lập các chứng từ kế toán khác liên quan theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản có liên quan.

Đối với nội dung kế toán thu, chi giá trị vắc-xin được tài trợ, kế toán Quỹ căn cứ vào báo cáo của Bộ Y tế theo quy định điểm b khoản 2 tại Điều 15 Thông tư này để hạch toán ghi thu, ghi chi.

Điều 20. Tài khoản kế toán

1. Danh mục tài khoản áp dụng cho Quỹ:

Số TT	Số hiệu TK cấp 1	Số hiệu TK cấp 2, 3	Tên tài khoản
1	112		Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc
		1121	Tiền Việt Nam

Số TT	Số hiệu TK cấp 1	Số hiệu TK cấp 2, 3	Tên tài khoản
		1122	Ngoại tệ
2	411		Nguồn Quỹ vắc-xin
3	511		Thu Quỹ vắc-xin
		5111	Các khoản thu từ đóng góp của nhà tài trợ
		51111	Tài trợ bằng tiền
		51112	Ghi thu tài trợ bằng vắc-xin
		5118	Thu khác
4	611		Chi Quỹ vắc-xin
		6111	Chi bằng tiền
		61111	Chi mua, nhập khẩu vắc-xin
		61112	Chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước
		61113	Chi sử dụng vắc-xin
		6112	Ghi chi vắc-xin được tài trợ

2. Nội dung và kết cấu tài khoản:

a) Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc:

- Mục đích: Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng, Kho bạc của Quỹ.

- Nguyên tắc hạch toán:

+ Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi riêng tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, chi tiết theo từng loại tiền (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại); chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng, Kho bạc để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

+ Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 - "Tiền gửi" là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng, Kho bạc kèm theo các chứng từ gốc liên quan.

+ Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng, Kho bạc gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của Quỹ, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng, Kho bạc thì Quỹ phải thông báo cho Ngân hàng, Kho bạc để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp

thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo sổ liệu của Ngân hàng, Kho bạc trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh sổ liệu ghi sổ.

+ Khi phát sinh các khoản thu, chi bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi nguyên tệ đồng thời quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính tại thời điểm phát sinh.

+ Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Quỹ mở tại Ngân hàng, cuối ngày phải tất toán chuyển hết số dư về tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước theo quy định.

+ Tại thời điểm lập báo cáo tài chính Quỹ phải đánh giá lại số dư tiền gửi bằng ngoại tệ theo tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính.

- Kết cấu và nội dung phản ánh:

Bên Nợ:

+ Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ nhận vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng, Kho bạc.

+ Chênh lệch tỷ giá tăng do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

+ Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ rút ra từ Ngân hàng, Kho bạc.

+ Chênh lệch tỷ giá giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

+ Số tiền Việt Nam, ngoại tệ hiện còn, đang gửi tại Ngân hàng, Kho bạc.

Tài khoản 112 - "Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc" có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam*

- *Tài khoản 1122 - Ngoại tệ*

b) Tài khoản 411 - Nguồn Quỹ vác-xin:

- Mục đích: Tài khoản này dùng để phản ánh nguồn huy động, đóng góp bằng tiền của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và nguồn thu hợp pháp khác còn dư chưa sử dụng đang quản lý tại Quỹ.

- Nguyên tắc hạch toán:

+ Tài khoản Nguồn Quỹ vắc-xin phản ánh nguồn Quỹ bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ còn dư cuối kỳ chưa sử dụng.

+ Cuối kỳ, trước khi lập báo cáo tài chính kế toán phải thực hiện kết chuyển toàn bộ số hạch toán thu, chi trong kỳ, xác định chênh lệch để chuyển vào nguồn Quỹ.

- Kết cấu và nội dung phản ánh:

Bên Nợ:

+ Nguồn Quỹ vắc-xin tăng lên do đã thu trong kỳ.

+ Chênh lệch tỷ giá giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

+ Nguồn Quỹ vắc-xin giảm xuống do đã chi trong kỳ.

+ Chênh lệch tỷ giá tăng do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Có:

+ Số dư nguồn Quỹ vắc-xin bằng tiền do Ban quản lý Quỹ hiện đang quản lý.

c) Tài khoản 511 - Thu Quỹ vắc-xin

- Mục đích: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu của Quỹ nhận được từ các nhà tài trợ, các khoản thu hợp pháp khác theo quy định, bao gồm khoản thu bằng tiền và thu bằng hiện vật.

- Nguyên tắc hạch toán:

+ Khoản thu bằng tiền hạch toán trên cơ sở chứng từ báo Có của Ngân hàng, Kho bạc.

+ Trường hợp nhận tài trợ bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi theo tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính để ghi thu.

+ Trường hợp nhận tài trợ bằng hiện vật là vắc-xin do Bộ Y tế nhận và quản lý, sử dụng: Căn cứ báo cáo của Bộ Y tế (theo Mẫu số 03-BC/QVX tại Phụ lục kèm theo Thông tư này) để ghi thu vào Quỹ.

+ Trường hợp nhận tài trợ bằng các loại hình vật chất khác, khi xuất bán, kế toán hạch toán vào thu của Quỹ căn cứ chứng từ nộp tiền vào tài khoản của Quỹ.

+ Kế toán phải mở sổ kế toán theo dõi chi tiết thu Quỹ theo từng nhà tài trợ đã tài trợ tiền (Đồng Việt Nam, ngoại tệ) cho Quỹ.

+ Trường hợp nhà tài trợ chỉ đích danh đối tượng được hỗ trợ, kế toán phải theo dõi chi tiết đảm bảo chi đúng đối tượng.

- Kết cấu và nội dung phản ánh:

Bên Nợ:

+ Kết chuyển số thu trong kỳ để xác định số tồn Quỹ.

+ Sổ ghi giảm thu (nếu có).

Bên Có:

+ Thu Quỹ bằng tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ.

+ Ghi thu số nhận tài trợ bằng hiện vật theo báo cáo của Bộ Y tế

Số dư: Tài khoản này không có số dư cuối kỳ. Trước khi lập báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển số thu trong kỳ để xác định tồn Quỹ.

Tài khoản 511 - Thu Quỹ vắc-xin bao gồm 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Các khoản thu từ đóng góp của nhà tài trợ: Phản ánh các khoản đóng góp bằng tiền và ngoại tệ của các nhà tài trợ.

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 3:

+ *Tài khoản 51111 - Thu bằng tiền:* Phản ánh các khoản thu được bằng tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) và thu từ bán các loại hình vật chất khác do các nhà tài trợ hỗ trợ vào Quỹ.

+ *Tài khoản 51112 - Ghi thu tài trợ bằng vắc-xin:* Phản ánh ghi thu, ghi chi các khoản tài trợ bằng vắc-xin cho Quỹ do Bộ Y tế nhận và quản lý, sử dụng.

- Tài khoản 5118 - Thu khác: Phản ánh các khoản thu lãi tiền gửi từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ, khoản thu hợp pháp khác vào Quỹ;

d) Tài khoản 611- Chi Quỹ vắc-xin:

- Mục đích: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi từ Quỹ cho các hoạt động mua, nhập khẩu vắc-xin, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin phòng Covid-19.

- Nguyên tắc hạch toán:

+ Các khoản tiền chi ra từ Quỹ cho các hoạt động có liên quan được hạch toán vào chi của Quỹ theo quy định.

Trường hợp đơn vị không sử dụng hết số kinh phí được cấp từ Quỹ thì phải hoàn trả lại để hạch toán giảm chi Quỹ.

+ Đối với vắc-xin do Bộ Y tế nhận tài trợ và quản lý, sử dụng: Căn cứ báo cáo của Bộ Y tế (theo Mẫu số 03-BC/QVX tại Phụ lục kèm theo Thông tư này) để ghi chi vào Quỹ.

b) Kết cấu và nội dung phản ánh:

Bên Nợ:

+ Các khoản chi mua, nhập khẩu vắc-xin, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin phát sinh trong kỳ.

+ Ghi chi số nhận tài trợ bằng vắc-xin theo báo cáo của Bộ Y tế

Bên Có:

+ Các khoản ghi giảm chi khi đơn vị nhận kinh phí từ Quỹ nhưng không sử dụng hết, hoàn trả lại Quỹ.

+ Kết chuyển số chi trong kỳ để xác định Nguồn quỹ.

Số dư: Tài khoản này không có số dư cuối kỳ. Cuối kỳ, trước khi lập báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển số đã ghi chi trong kỳ để xác định Nguồn Quỹ.

Tài khoản 611 - Chi Quỹ vắc-xin bao gồm 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6111 - Chi bằng tiền: Phản ánh các khoản xuất Quỹ chi bằng tiền theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 3:

+ *Tài khoản 61111 - Chi mua, nhập khẩu vắc-xin:* Phản ánh các khoản chi mua, nhập khẩu vắc-xin từ Quỹ.

+ *Tài khoản 61112 - Chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước:* Phản ánh các khoản xuất Quỹ để chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin.

+ *Tài khoản 61113 - Chi sử dụng vắc-xin*: Phản ánh các khoản xuất Quỹ để chi sử dụng vắc-xin.

- *Tài khoản 6112 - Ghi chi vắc-xin được tài trợ*: Phản ánh các khoản ghi thu, ghi chi hiện vật vào Quỹ.

2. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ phát sinh tại Quỹ nêu tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 21. Sổ kế toán

Quỹ phải mở sổ để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ các nghiệp vụ thu, chi của Quỹ.

Trường hợp Quỹ tiếp nhận tài trợ bằng các loại hình vật chất khác, phải mở sổ để theo dõi chi tiết cho đến khi xuất bán, nộp tiền vào thu của Quỹ.

Việc mở sổ kế toán, lập, sửa chữa, lưu trữ và bảo quản sổ kế toán thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản có liên quan.

Điều 22. Báo cáo tài chính Quỹ

1. Kỳ lập báo cáo:

Cuối kỳ kế toán (tháng, 6 tháng, năm), Quỹ phải lập và gửi báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính.

Thời hạn gửi báo cáo tháng và 6 tháng chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày kết thúc tháng, 6 tháng. Thời hạn gửi báo cáo năm chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm sau.

2. Biểu mẫu và phương pháp lập:

Báo cáo tài chính Quỹ được trình bày theo Mẫu biểu số 01- BC/QVX. Biểu mẫu và phương pháp lập báo cáo tài chính Quỹ nêu trong Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 23. Báo cáo quyết toán Quỹ

1. Kỳ lập báo cáo:

Khi kết thúc hoạt động, Quỹ phải lập báo cáo quyết toán Quỹ, gửi Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định. Ngoài ra còn phải lập báo cáo trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Thời hạn gửi báo cáo quyết toán chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày kết thúc hoạt động của Quỹ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Biểu mẫu và phương pháp lập:

Báo cáo quyết toán Quỹ được trình bày theo Mẫu biểu số 02-BC/QVX. Mẫu biểu và phương pháp lập báo cáo quyết toán Quỹ nêu trong Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 24. Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi Quỹ

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Định kỳ 6 tháng tổng hợp báo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thu, chi tài chính Quỹ;

b) Căn cứ báo cáo quyết toán của Quỹ, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ để tổng hợp chung nguồn lực báo cáo Quốc hội trong các báo cáo về kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước.

2. Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật và yêu cầu của nhà tài trợ cho Quỹ (nếu có).

Điều 25. Công khai báo cáo tài chính Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm công khai báo cáo tài chính quỹ hàng tháng, 6 tháng, năm và báo cáo quyết toán Quỹ theo các mẫu biểu tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung công khai bao gồm: Số tiền huy động, danh sách các tổ chức, cá nhân tài trợ, đóng góp, nội dung và số tiền đã chi, số dư quỹ còn lại.

3. Thời điểm công khai báo cáo tháng, 6 tháng chậm nhất sau ngày 10 kể từ ngày kết thúc tháng, 6 tháng; công khai báo cáo năm chậm nhất ngày 31 của tháng 01 năm sau và báo cáo quyết toán chậm nhất 30 ngày sau khi báo cáo được Bộ Tài chính phê duyệt.

4. Việc công khai của Quỹ được thực hiện qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và một hoặc một số hình thức: công bố tại các cuộc họp, niêm yết tại trụ sở của Quỹ, phát hành ấn phẩm, thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét và có hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Tài chính, KBNN, Cục thuế, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng;
- Công báo;
- Cổng thông tin Chính phủ;
- Cổng thông tin Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, NSNN (350 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Anh Tuấn

Phụ lục
HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN, BÁO CÁO
VÀ CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUỸ
(Kèm theo Thông tư số 41/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

1.1. Hạch toán thu vào Quỹ

a) Căn cứ báo có của ngân hàng, kho bạc về việc đóng góp tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng, Kho bạc, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc (1121, 1122)

Có TK 511 - Thu Quỹ vắc-xin (5111)

b) Căn cứ số nhận tài trợ bằng hiện vật trên “Báo cáo tổng hợp hiện vật nhận tài trợ ghi thu vào Quỹ vắc-xin phòng Covid 19” của Bộ Y tế:

Nợ TK 611 - Chi Quỹ vắc-xin (6112)

Có TK 511 - Thu Quỹ vắc-xin (51112)

c) Căn cứ chứng từ báo có của Ngân hàng, Kho bạc về trả lãi tiền gửi của Quỹ, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc (1121)

Có TK 511 - Thu Quỹ vắc-xin (51118)

d) Cuối ngày chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản Quỹ mở tại ngân hàng thương mại về tài khoản của Quỹ mở tại KBNN, căn cứ chứng từ chuyển tiền, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc (1121,1122)- Chi tiết tiền gửi Quỹ tại KBNN.

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc (1121,1122)- Chi tiết tiền gửi Quỹ tại ngân hàng thương mại.

đ) Trường hợp thu bằng loại hình vật chất khác tại Quỹ, phải mở sổ để theo dõi chi tiết hiện vật tài trợ cho đến khi xuất bán thu nộp tiền vào Quỹ.

Khi bán nộp tiền vào Quỹ, căn cứ chứng từ nộp tiền, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc (1121)

Có TK 511 - Thu Quỹ vắc-xin (5111)

1.2. Hạch toán chi ra từ Quỹ

a) Khi xuất Quỹ hỗ trợ mua, nhập khẩu vắc-xin theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

(1) Chi bằng tiền Việt Nam, căn cứ chứng từ xuất Quỹ, ghi:

Nợ TK 611 - Chi Quỹ vắc-xin (6111)

Có TK 112 - Tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc (1121)

(2) Chi bằng ngoại tệ, căn cứ chứng từ liên quan, ghi:

- Trường hợp tỷ giá hạch toán tại thời điểm xuất quỹ cho Bộ Y tế lớn hơn tỷ giá đã ghi sổ của ngoại tệ:

Nợ TK 611 - Chi Quỹ vắc-xin (6111, 6112) (theo tỷ giá hạch toán tại thời điểm xuất quỹ)

Có TK 112 - Tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc (1122) (theo tỷ giá ghi sổ)

Có TK 411 - Nguồn Quỹ vắc-xin (phần chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá hạch toán tại thời điểm xuất quỹ và tỷ giá ghi sổ)

- Trường hợp tỷ giá hạch toán tại thời điểm xuất quỹ nhỏ hơn tỷ giá ghi sổ của ngoại tệ:

Nợ TK 611 - Chi Quỹ vắc-xin (6111, 6112) (theo tỷ giá hạch toán tại thời điểm xuất quỹ)

Nợ TK 411 - Nguồn Quỹ vắc-xin (Phần chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá hạch toán tại thời điểm xuất quỹ và tỷ giá ghi sổ).

Có TK 112 - Tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc (1122) (theo tỷ giá ghi sổ).

b) Trường hợp đơn vị không sử dụng hết số đã nhận từ Quỹ, phải thu hồi nộp lại Quỹ hoặc số đã chuyển bị trả lại, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc (1121, 1122)

Có TK 611 - Chi Quỹ vắc-xin (6111)

c) Nộp số kết dư Quỹ vào ngân sách trung ương khi kết thúc hoạt động Quỹ, căn cứ chứng từ nộp tiền vào ngân sách, ghi:

Nợ TK 411 - Nguồn Quỹ vắc-xin

Có TK 112 - Tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc (1121, 1122)

1.3. Hạch toán đánh giá tỷ giá ngoại tệ cuối kỳ

Cuối kỳ, căn cứ tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định, kế toán đánh giá lại tỷ giá ngoại tệ trên các tài khoản ngoại tệ, như sau:

- Trường hợp tỷ giá hạch toán tại thời điểm cuối kỳ lớn hơn tỷ giá ghi sổ, phản ánh phần lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại tiền bằng ngoại tệ (phần chênh lệch do tỷ giá tăng), ghi:

Nợ 112- Tiền gửi ngân hàng, Kho bạc (1122)

Có TK 411- Nguồn Quỹ vắc-xin

- Trường hợp tỷ giá hạch toán tại thời điểm cuối kỳ nhỏ hơn tỷ giá ghi sổ, phản ánh phần lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại tiền bằng ngoại tệ (phần chênh lệch do tỷ giá giảm), ghi:

Nợ TK 411- Nguồn Quỹ vắc-xin

Có TK 112- Tiền gửi ngân hàng, Kho bạc (1122)

1.4. Hạch toán kết chuyển cuối kỳ

Cuối kỳ, trước khi lập báo cáo tài chính kế toán lập phiếu chuyển khoản kết chuyển số thu, chi trong kỳ của Quỹ để xác định số tồn Quỹ:

- Kết chuyển toàn bộ số thu của Quỹ trong kỳ, ghi:

Nợ TK 511- Thu Quỹ vắc-xin

Có TK 411- Nguồn Quỹ vắc-xin

- Kết chuyển toàn bộ số chi của Quỹ trong kỳ, ghi:

Nợ TK 411- Nguồn Quỹ vắc-xin

Có TK 611- Chi Quỹ vắc-xin.

2. Quy định về Báo cáo tài chính và Báo cáo quyết toán Quỹ

2.1. Mẫu biểu báo cáo

Mẫu số 01-BC/QVX
(Ban hành kèm theo Thông tư số
41/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
QUỸ VẮC-XIN PHÒNG COVID-19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tháng/6 tháng/năm.....

Đơn vị tính: 1.000 đồng

I. THU, CHI QUỸ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
1	Dư đầu kỳ	100		
	- Tiền Việt Nam	110		
	- Ngoại tệ	120		
2	Thu	200		
2.1	Thu tài trợ bằng tiền mặt	210		
	- Tiền Đồng Việt Nam	211		
	- Ngoại tệ	212		
2.2	Ghi thu tài trợ bằng vắc-xin	220		
2.3	Thu khác (lãi tiền gửi, ...)	230		
3	Chi	300		
3.1	Chi bằng tiền	310		
	- Chi mua, nhập khẩu vắc-xin	311		
	- Chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước	312		
	- Chi sử dụng vắc-xin	313		
3.2	Ghi chi vắc-xin được tài trợ	320		
4	Dư cuối kỳ	400		
	- Tiền Việt Nam	410		
	- Ngoại tệ	420		

II. BÁO CÁO THU TÀI TRỢ CHO QUỸ BẰNG CÁC LOẠI HÌNH VẬT CHẤT KHÁC

STT	Hiện vật nhận tài trợ	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
A	B	C	1	2
1	Loại hiện vật ...			
2	Loại hiện vật ...			
			

III. THÔNG TIN THUYẾT MINH

1. Thuyết minh chỉ tiêu tiền Quỹ

1.1 Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

STT	Tên chỉ tiêu	Số tiền	
1	Tiền gửi bằng Đồng Việt Nam		
	- Tiền gửi không kỳ hạn		
	- Tiền gửi có kỳ hạn		
		
2	Tiền gửi bằng ngoại tệ		
	- Tiền gửi không kỳ hạn		
	...		
3	Tổng cộng tiền gửi ngân hàng, kho bạc		
Chi tiết các loại nguyên tệ:			
	Loại ngoại tệ	Số tiền	
		Nguyên tệ	Quy đổi
1	Tiền gửi bằng USD		
	- Tiền gửi không kỳ hạn		
		
2	Tiền gửi bằng EUR		

	- Tiền gửi không kỳ hạn		
		
3	Tiền gửi bằng ngoại tệ khác (chi tiết theo từng loại tiền)		
	- Tiền gửi không kỳ hạn		
	...		
	Tổng cộng tiền gửi ngân hàng, Kho bạc bằng ngoại tệ quy đổi ra Đồng Việt Nam		

1.2. Tiền gửi có kỳ hạn (vốn nhàn rỗi): Thuyết minh chi tiết các thông tin về nơi gửi, kỳ hạn, lãi suất,...

2. Thuyết minh chỉ tiêu thu trong kỳ

2.1. Thu bằng tiền từ nhà tài trợ

Thuyết minh chi tiết tên đối với nhà tài trợ là tổ chức cá nhân có số tiền tài trợ lớn. Đối với nhà tài trợ nhỏ lẻ có thể thuyết minh 1 dòng.

STT	Tên nhà tài trợ	Tài trợ bằng VND	Tài trợ bằng ngoại tệ (nguyên tệ)			
			USD	Tỷ giá	Giá trị	...
1	Nhà tài trợ 1					
2	...					
3	...					
...						
....	Tổng số các nhà tài trợ còn lại					
	Tổng cộng					

2.2. Số thu tiền bán hiện vật nhận tài trợ nộp tiền vào Quỹ (nếu có)

Thuyết minh chi tiết theo loại hiện vật, nhà tài trợ, số lượng và tiền bán thu được theo từng loại hiện vật đã ghi thu vào Quỹ.

2.3. Sổ ghi thu tài trợ bằng vắc-xin cho Quỹ do Bộ Y tế nhận và quản lý, sử dụng

STT	Loại vắc-xin/Tên nhà tài trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
1	Vắc-xin (loại...)				
1.1	Nhà tài trợ...				
...	...				
2	Vắc-xin (loại...)				
2.1	Nhà tài trợ				
...				
	Tổng cộng số ghi thu tài trợ bằng vắc-xin vào Quỹ	x	x		x

(1) Số tài trợ bằng tiền Việt Nam:

(2) Số tài trợ bằng ngoại tệ theo tỷ giá hạch toán: Nguyên tệ x tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính (chi tiết theo từng loại ngoại tệ)

(3) Số tiền thu được từ bán hiện vật tài trợ nộp vào Quỹ (nếu có)

(4) Số đã ghi thu tài trợ bằng vắc-xin vào Quỹ

Tổng cộng thu trong kỳ = (1) + (2) + (3) + (4)

3. Thuyết minh chỉ tiêu chi trong kỳ

Thuyết minh chi tiết theo yêu cầu quản lý hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thông tin thuyết minh khác (nếu có)

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC
BAN QUẢN LÝ QUỸ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
QUỸ VẮC-XIN PHÒNG COVID-19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN QUỸ

Từ ngày tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu báo cáo	Tổng số	Ghi chú
A	B	C	D
1	Thu		
1.1	Thu bằng tiền mặt		
	- Tiền Đồng Việt Nam		
	- Ngoại tệ		
1.2	Ghi thu tài trợ bằng vắc-xin		
1.3	Thu khác		
2	Chi		
2.1	Chi bằng tiền		
	- Chi mua, nhập khẩu vắc-xin		
	- Chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước		
	- Chi sử dụng vắc-xin		
2.2	Ghi chi tài trợ bằng vắc-xin		
3	Số chênh lệch thu, chi tại thời điểm kết thúc		
	- Tiền Việt Nam		
	- Ngoại tệ		
4	Xử lý		
	- Nộp NSTW số dư Quỹ		
	- Xử lý khác		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
BAN QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2. Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu báo cáo

2.2.1. Báo cáo tài chính Quỹ

2.2.1.1. Thu, chi Quỹ

a) Chỉ tiêu Cột:

- Cột A, B: Số thứ tự và tên các chỉ tiêu thu, chi của Quỹ.
- Cột C: Mã số các chỉ tiêu.
- Cột 1: Số liệu trong kỳ, bao gồm số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ và số phát sinh trong kỳ.
- Cột 2: Số liệu lũy kế từ khi thành lập Quỹ đến hết kỳ báo cáo = số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của báo cáo tương ứng kỳ trước liền kề.

Lưu ý: Số lũy kế không ghi số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

b) Số liệu dòng:

(1) Chỉ tiêu dư đầu kỳ (Mã số 100)

- Dư đầu kỳ là số dư của Quỹ tại thời điểm đầu kỳ báo cáo, bao gồm số dư tiền Việt Nam, ngoại tệ. Số dư đầu kỳ bằng số dư cuối kỳ tương ứng của báo cáo kỳ trước liền kề.

- Số liệu số dư đầu kỳ được nêu tại Cột số 1 'Trong kỳ', không trình bày số liệu này tại Cột số 2 'Lũy kế'.

- Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120

+ Tiền Việt Nam (Mã số 110) được tính bằng số dư đầu kỳ tài khoản 1121.

+ Tiền ngoại tệ (Mã số 120) được tính bằng số dư đầu tư tài khoản 1122.

(2) Chỉ tiêu thu (Mã số 200)

Là tổng số thu của Quỹ bằng tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ, vắc-xin và các loại hình vật chất khác cho Quỹ trong kỳ báo cáo và lũy kế từ đầu năm.

Mã số 200 = Mã số 210 + Mã số 220 + Mã số 230

- Thu tài trợ bằng tiền mặt (Mã số 210) = Mã số 211 + Mã số 212

+ Tiền Đồng Việt Nam (Mã số 211) được tính bằng tổng số phát sinh bên Có trong kỳ của TK 51111 "Tài trợ bằng tiền" đã trừ đi số ghi giảm thu (nếu có).

+ Tiền Ngoại tệ (Mã số 212) được tính bằng tổng số phát sinh bên có

trong kỳ của TK 51111 “Tài trợ bằng tiền” đã trừ đi số ghi giảm thu (nếu có).

- Ghi thu tài trợ bằng vắc-xin (Mã số 220) là giá trị vắc-xin tài trợ cho Quỹ trong kỳ do Bộ Y tế tiếp nhận quản lý, sử dụng, được tính bằng tổng số phát sinh bên Có trong kỳ của TK 51112 “Ghi thu tài trợ bằng vắc-xin” đã trừ đi số ghi giảm thu (nếu có).

- Thu khác (Mã số 230): Số thu lãi tiền gửi, thu hợp pháp khác của Quỹ, là tổng số phát sinh bên Có trong kỳ của TK 5118.

(3) Chi tiêu chi (mã số 300)

- Là tổng số chi bằng tiền, hiện vật cho việc mua sắm vắc-xin, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin và sử dụng vắc-xin trong kỳ báo cáo và lũy kế từ đầu năm.

$$\text{Mã số 300} = \text{Mã số 310} + \text{Mã số 320}$$

- Chi bằng tiền (Mã số 310) là số chi từ Quỹ bằng tiền từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

$$\text{Mã số 310} = \text{Mã số 311} + \text{Mã số 312} + \text{Mã số 313}$$

+ Chi mua, nhập khẩu vắc-xin “Mã số 311”: Là số chi từ Quỹ cho việc mua, nhập khẩu vắc-xin, được tính bằng tổng số phát sinh bên Nợ trong kỳ của TK 61111 - Chi mua, nhập khẩu vắc-xin trừ đi số phát sinh Có khi đơn vị nộp trả.

+ Chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước (Mã số 312) : Số chi từ Quỹ cho việc nghiên cứu, sản xuất vắc-xin, được tính bằng tổng số phát sinh bên Nợ trong kỳ của TK 61112 - Chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trừ đi số phát sinh Có khi đơn vị nộp trả.

+ Chi sử dụng vắc-xin (Mã số 313): Số chi từ Quỹ cho việc sử dụng vắc-xin, được tính bằng tổng số phát sinh bên Nợ trong kỳ của TK 61113- Chi sử dụng vắc-xin trừ đi số phát sinh Có khi đơn vị nộp trả.

- Ghi chi vắc-xin được tài trợ (Mã số 320) là giá trị số vắc-xin nhận tài trợ do Bộ Y tế nhận và quản lý, sử dụng được ghi chi vào Quỹ tương ứng với số thu vắc-xin.

(4) Chi tiêu dư cuối kỳ (mã số 400)

- Dư cuối kỳ là số dư của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ báo cáo, bao gồm số dư tiền Việt Nam, ngoại tệ. Số dư cuối kỳ bằng số dư đầu kỳ tương ứng của báo cáo kỳ tiếp theo liền kề.

- Số liệu số dư đầu kỳ được nêu tại Cột số 1 “Trong kỳ”, không trình bày số liệu này tại Cột số 2 “Lũy kế”.

Mã số 400 = Mã số 410 + Mã số 420

+ Tiền Đồng Việt Nam “Mã số 410” được tính bằng số dư tài khoản 1121 cuối kỳ.

+ Ngoại tệ “Mã số 420” được tính bằng số dư tài khoản 1122 cuối kỳ.

2.2.1.2. Báo cáo các loại hình vật chất khác nhận tài trợ đang quản lý tại Quỹ

Ban Quản lý Quỹ phải báo cáo chi tiết các loại hình vật chất khác nhận tài trợ trong kỳ báo cáo.

2.2.1.3. Thông tin thuyết minh

Ban Quản lý Quỹ phải trình bày chi tiết các thông tin thuyết minh của Quỹ nhằm làm minh bạch số liệu thu, chi Quỹ trong kỳ báo cáo.

Các chỉ tiêu phải thuyết minh theo nhà tài trợ thì nêu tên tổ chức, đơn vị, cá nhân nhà tài trợ có số tiền tài trợ lớn, đối với nhà tài trợ nhỏ lẻ có thể thuyết minh 1 dòng. Các chỉ tiêu phải thuyết minh như sau:

a) Thuyết minh chỉ tiêu tiền:

Chỉ tiêu này nhằm thuyết minh chi tiết số dư Tiền của Quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm tiền gửi tại ngân hàng, kho bạc bằng tiền Việt Nam và các loại ngoại tệ, tiền nhàn rỗi mang đi gửi tại ngân hàng thương mại theo quy định.

(1) Tiền gửi tại ngân hàng, kho bạc: Thuyết minh chi tiết số dư Tiền gửi tại ngân hàng, kho bạc của Quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính, bao gồm tiền gửi bằng tiền Việt Nam và tiền gửi bằng các loại ngoại tệ (theo nguyên tệ và số quy đổi theo tỷ giá Bộ Tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính) chi tiết gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn. Trường hợp có số tồn quỹ bằng ngoại tệ khác ngoài USD và EUR phải thuyết minh chi tiết từng loại tiền.

Số liệu thuyết minh căn cứ trên sổ kế toán chi tiết của Quỹ.

(2) Tiền gửi vốn nhàn rỗi: Thuyết minh chi tiết số dư Tiền gửi vốn nhàn rỗi của Quỹ đang gửi có kỳ hạn ở ngân hàng thương mại tại ngày lập báo cáo tài chính, bao gồm số đã gửi có kỳ hạn bằng tiền Việt Nam và gửi bằng các loại ngoại tệ (theo nguyên tệ và số quy đổi theo tỷ giá Bộ Tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính). Trường hợp có số tồn quỹ bằng ngoại tệ khác ngoài USD và EUR phải thuyết minh chi tiết từng loại tiền. Chi tiết theo kỳ hạn, lãi

suất và nơi gửi tiền. Số liệu thuyết minh căn cứ trên sổ kế toán chi tiết của Quỹ.

b) Thuyết minh chi tiết chi tiêu thu của Quỹ trong kỳ:

Thuyết minh chi tiết số thu bằng tiền Đồng Việt Nam, bằng ngoại tệ theo từng loại nguyên tệ, số đã ghi thu, ghi chi tài trợ bằng vắc-xin vào Quỹ (số lượng, giá trị), theo từng nhà tài trợ.

Tổng số tiền tài trợ mà Quỹ nhận được bằng ngoại tệ phải thuyết minh chi tiết theo từng loại nguyên tệ, từng nhà tài trợ, đồng thời phải quy đổi tổng số ngoại tệ nhận được theo từng loại tiền theo tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính.

Đối với các loại hình vật chất khác tài trợ vào Quỹ, đã bán thu tiền nộp vào Quỹ, phải thuyết minh chi tiết.

Số liệu thuyết minh căn cứ trên sổ kế toán chi tiết của Quỹ các báo cáo của Bộ Y tế.

c) Thuyết minh chi tiết chi tiêu chi của Quỹ trong kỳ:

Thuyết minh chi tiết số chi của Quỹ trong kỳ cho các hoạt động mua, nhập khẩu vắc-xin; thuyết minh các nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc xin theo yêu cầu quản lý.

Số liệu thuyết minh căn cứ trên sổ kế toán chi tiết của Quỹ các báo cáo của Bộ Y tế.

d) Thuyết minh khác theo yêu cầu quản lý (nếu có):

2.2.2. Báo cáo quyết toán Quỹ

- Đối với báo cáo quyết toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: Thông tin báo cáo quyết toán bao gồm tổng số thu, chi của Quỹ bằng tiền và hiện vật trong kỳ báo cáo.

- Đối với báo cáo quyết toán kết thúc hoạt động Quỹ: Thông tin báo cáo quyết toán bao gồm tổng lũy kế số thu, chi của Quỹ bằng tiền và hiện vật từ khi thành lập đến khi kết thúc.

3. Mẫu biểu Báo cáo tổng hợp vắc-xin nhận tài trợ do Bộ Y tế nhận và quản lý, sử dụng ghi thu, ghi chi vào Quỹ

Mẫu số 03-BC/QVX
(Ban hành kèm theo Thông tư số
41/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BÁO CÁO TỔNG HỢP VẮC-XIN NHẬN TÀI TRỢ GHI THU
VÀO QUỸ VẮC-XIN PHÒNG COVID-19**

Từ ngày... đến ngày năm....

STT	Tên hàng	Vắc-xin nhận tài trợ		Ghi chú
		Số lượng	Giá trị (đồng)	
A	B	C		D
1	Đối với hàng nhận tài trợ chung			
1.1	Vắc xin (liều)			
			
			
2	Đối với hàng nhận tài trợ có địa chỉ			
2.1	Vắc xin.... (liều)			
2.1.1	Đơn vị A			
...				
	Tổng cộng	x		x

Lập, ngày.... tháng....năm

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

LÃNH ĐẠO BỘ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

4. Mẫu biểu công khai tiếp nhận các nguồn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ

Mẫu số 04-CK/QVX
(Ban hành kèm theo Thông tư số
41/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
QUỸ VẮC-XIN PHÒNG COVID-19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN NGUỒN TÀI TRỢ, HỖ TRỢ, ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC CHO QUỸ VẮC-XIN PHÒNG COVID-19

(Kỳ báo cáo: Tháng/6 tháng/năm)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	
			Số lượng (hiện vật)	Số tiền (triệu đồng)
I	Tài trợ, hỗ trợ, đóng góp bằng tiền			
1	Nguồn trong nước			
	Tên tổ chức, cá nhân			
	...			
2	Nguồn ngoài nước			
	Tên tổ chức, cá nhân			
	...			
2	Tài trợ, hỗ trợ, đóng góp bằng vắc-xin			
1	Nguồn trong nước			
	Tên tổ chức, cá nhân			
	...			
2	Nguồn ngoài nước			
	Tên tổ chức, cá nhân			
	...			
3	Tài trợ, hỗ trợ, đóng góp bằng loại hình vật chất khác			

1	Nguồn trong nước			
	Tên tổ chức, cá nhân			
	...			
2	Nguồn ngoài nước			
	Tên tổ chức, cá nhân			
	...			

Lập, ngày.... tháng....năm

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
BAN QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

5. Mẫu biểu công khai tài chính Quỹ

Mẫu số 05-CK/QVX
(Ban hành kèm theo Thông tư số
41/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
QUỸ VẮC-XIN PHÒNG COVID-19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUỸ

(Kỳ báo cáo: tháng, 6 tháng, năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong kỳ	Lũy kế đến thời điểm báo cáo
I	Số dư đầu kỳ		
II	Nguồn thu		
1	Thu bằng tiền mặt (bao gồm tiền bán các loại hình vật chất khác tài trợ cho Quỹ)		
2	Thu tài trợ bằng vắc-xin (quy tiền)		
3	Thu khác (lãi tiền gửi,...).		
III	Nhiệm vụ chi		
1	Chi mua, nhập khẩu vắc-xin		
2	Ghi chi vắc-xin được tài trợ		
3	Chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước		
4	Chi sử dụng vắc-xin		
IV	Số dư cuối kỳ		

Lập, ngày.... tháng....năm ...

GIÁM ĐỐC
BAN QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

6. Mẫu biểu công khai quyết toán Quỹ

Biểu số 06-CK/QVX
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 41/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
QUỸ VẮC-XIN PHÒNG COVID-19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN QUỸ

Năm

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết toán
I	Tổng nguồn thu của Quỹ	
1	Thu bằng tiền mặt (bao gồm tiền bán các loại hình vật chất khác tài trợ cho Quỹ)	
2	Ghi thu tài trợ bằng vắc-xin (quy tiền)	
3	Thu khác (lãi tiền gửi,...)	
II	Tổng số chi của Quỹ	
1	Chi mua, nhập khẩu vắc-xin	
2	Ghi chi vắc-xin được tài trợ	
3	Chi nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước	
4	Chi sử dụng vắc-xin	
IV	Số dư Quỹ	

Lập, ngày.... tháng....năm

GIÁM ĐỐC
BAN QUẢN LÝ QUỸ
 (Ký, họ tên, đóng dấu)